TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN N** **TP. Đ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-6-2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N TP Đ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Công Hoan**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**
Ông **Huỳnh Bá Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Bích Hậu –** Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018, về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2019, và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2019, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Bà **Lê Thị Thu T** - Sinh năm 1984;
Trú tại: Tổ 33, phường H, quận N, thành phố Đ - Có mặt.

***Bị đơn*:** Ông **Trần Ngọc H** - Sinh năm 1982
Trú tại: Tổ 33, phường H, quận N, thành phố Đ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 33, phường H, quận N, thành phố Đ.Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mẫu thuẫn. Nguyên nhân mẫu thuẫn do không hợp nhau, chồng không chăm lo cuộc sống gia đình, do đó thường hay cãi vã lẫn nhau. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung : Không có

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại bản trình bày ngày 27/3/2019, ông Trần Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn là đúng. Trước đây, tại các phiên hòa giải ông không đồng ý ly hôn Nay tôi nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể níu kéo được nữa do đó ông đồng ý ly hôn đối với bà T.

Về con chung: Không có
Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết hai bên đều trình bày "tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết". Nhưng đến ngày 27/3/2019 ông H có đơn yêu cầu được chia tài sản chung cho ông là 150.000.000đ đã góp vốn Công ty TNHH MTV GAME N. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về chia tài sản chung nhưng ông H không nộp.
Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, ông Trần Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Ngọc H theo thủ tục chung, ông H phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình.

- ***Về nội dung vụ án:*** Bà T và ông H kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Q. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Bà T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau, chồng không chăm lo cuộc sống gia đình, do đó thường hay cãi vã lẫn nhau. Hiện nay, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, Vì vậy bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H. Ông H đồng ý ly hôn với bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà T về tiếp tục sống chung để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn đối với ông H.

Xét thấy, Mặc dù hai vợ chồng mới kết hôn với nhau nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức không thể hàn gắn được. Do đó, HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà T được ly hôn với ông H là thỏa đáng.

[2] Về con chung : Không có.

[3]**Về tài sản chung**: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đều trình bày tài sản các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nhưng đến ngày 27/3/2019 ông H có đơn yêu cầu được chia tài sản chung là 150.000.000đ đã góp vốn Công ty TNHH MTV GAME NGỌC HƯNG. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông H không nộp nên Tòa án không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Lê Thị Thu T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 147, 227, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: *"Tranh chấp ly hôn"* của bà Lê Thị Thu T đối với ông Trần Ngọc H;

Tuyên xử:

[**1] Về hôn nhân**: Bà Lê Thị Thu T được ly hôn ông Trần Ngọc H.

[2] Về con chung: Không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ bà Lê Thị Thu T phải chịu. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 1910 ngày 19/12/2018, tại cơ quan Thi hành án dân sự quận N,TP Đ.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận NHS;
- UBND xã Phú Hòa, Hện Quảng Trạch;
- VKSND quận NHS;
- Lưu hồ sơ.

Trần Công Hoan